

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải: Quyết định số 1291/QĐ-BGTVT ngày 10/7/2019; Quyết định số 2592/QĐ-BGTVT ngày 31/12/2019; Quyết định số 2250/QĐ-BGTVT ngày 04/12/2019; Quyết định số 355/QĐ-BGTVT ngày 10/3/2020; Quyết định số 1448/QĐ-BGTVT ngày 27/7/2020; Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021; Quyết định số 286/QĐ-BGTVT ngày 23/02/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 127 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải thực hiện:

1. Niêm yết, công khai thủ tục hành chính trên Trang thông tin điện tử, trụ sở làm việc và nơi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đăng tải đầy đủ Danh mục, nội dung cụ thể các thủ tục hành chính kèm theo Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, địa chỉ www.tuyenquang.gov.vn.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố quy trình nội bộ, liên thông và hoàn thiện quy trình điện tử đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định trước đây của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở, Thủ trưởng Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4; (thực hiện)
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; (đăng tải)
- Bureau điện tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- Phòng Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTTHC_{Mai}

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sơn

**DANH MỤC 127 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH TUYỀN QUANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2021 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyền Quang)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (105 thủ tục)						
I	Lĩnh vực Đường bộ (60 thủ tục)						
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải, địa chỉ: Số 336, đường 17/8, phường Phan Thiết, thành phố Tuyền Quang.	Không	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	x	x
2	Đăng ký khai thác tuyến	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ		
3	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
4	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. 03	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.	x	x
5	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải).	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.	x	x
6	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng công - ten- nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải).	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
7	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - 06 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra. - 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. 	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách; - Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015. 	x	x
8	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - 06 ngày làm việc sau khi nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra. - 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. 	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải. 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
9	Công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	<p>- Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra;</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác</p>	Sở Giao thông vận tải	Không	<p>- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải.</p>	x	x
10	Công bố lại đưa trạm dừng nghỉ vào khai thác	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	<p>- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>- Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.</p>	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
11	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký	Sở Giao thông vận tải	200.000 đồng/lần/ phương tiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. 	x	x
12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn	01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký	Sở Giao thông vận tải	200.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
13	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng	01 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. 	x	x
14	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng: tối đa 01 ngày làm việc kể ngày nhận hồ sơ hợp lệ; - Trường hợp cải tạo, thay đổi màu sơn: tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký. 	Sở Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> Cấp đổi Giấy đăng ký kèm biển số: 200.000đ + Cấp đổi Giấy đăng ký không kèm biển số: 50.000đ + Đóng lại số khung, số máy: 50.000đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
15	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	01 ngày làm việc kể từ ngày hết thời gian đăng tải	Sở Giao thông vận tải	+ Cấp lại Giấy đăng ký kèm biển số: 200.000đ + Cấp lại Giấy đăng ký không kèm biển số: 50.000đ	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	x	x
16	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Sở Giao thông vận tải	Giấy chứng nhận đăng ký không kèm biển số: 50.000đ	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	x	x
17	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
18	Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyên đến	01 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với trường hợp xe máy chuyên dùng đang hoạt động, tập kết ngoài địa phương cấp đăng ký	Sở Giao thông vận tải	200.000 đồng/lần/phương tiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. 	x	x
19	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng	01 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12/6/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. 	x	x
20	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải	135.000đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20/01/2021 của 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
					Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ; - Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.		
21	Cấp lại giấy phép lái xe quốc tế	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp IDP đúng theo quy định	Sở Giao thông vận tải	135.000đ/lần	- Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06/7/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
22	Cấp mới Giấy phép lái xe	05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch	Sở Giao thông vận tải	<p>- Lệ phí: 135.000 đ/lần.</p> <p>- Phí sát hạch lái xe:</p> <p>+ Thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.</p> <p>+ Thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần.</p>	<p>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
23	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	135.000đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. 	x	x
24	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	135.000đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
					Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.		
25	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	135.000đ/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20/01/2021 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
26	Cấp lại giấy phép lái xe	<p>- Trường hợp Giấy phép lái xe bị mất, còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 3 tháng: 02 tháng kể từ ngày nộp đủ hồ sơ, chụp ảnh và nộp lệ phí theo quy định, nếu không phát hiện giấy phép lái xe đang bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý; có tên trong hồ sơ của cơ quan quản lý sát hạch thì được cấp lại.</p> <p>- Trường hợp Giấy phép bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định hoặc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.</p>	Sở Giao thông vận tải	<p>- Lệ phí: 135.000 đ/lần.</p> <p>- Phí sát hạch lái xe: + Thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.</p> <p>+ Thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần.</p>	<p>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
27	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	135.000đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. 	x	x
28	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam	Không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	135.000đ/lần	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
29	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện.	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải hướng dẫn một số điều của Hiệp định và Nghị định thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.	x	x
30	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải.	x	x
31	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
32	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định thư và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.	x	x
33	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31/7/2015 của Bộ Giao thông vận tải.	x	x
34	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, CHDCND Lào và CHXHCN Việt Nam về vận tải đường bộ.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
35	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải	x	x
36	Gia hạn Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải	x	x
37	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam - Lào - Campuchia	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải	x	x
38	Gia hạn Giấy phép vận tải và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
39	Gia hạn Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Theo quy định của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng; - Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17/11/2009 của Bộ Giao thông vận tải. 	x	x
40	Cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	Sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra	Cơ sở đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật	Theo Thông tư 72/2011/TTLT-BTC-BGTVT	- Thông tư số 06/2011/TT – BGTVT ngày 07/03/2011 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
					đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 72/2011/TTLT -BTC-BTVT ngày 27/5/2011 liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đào tạo lái xe cơ giới đường bộ		
41	Đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ sở đào tạo cấp lần đầu hoặc Sở GTVT	Theo Thông tư 72/2011/TTLT-BTC-BTVT	- Thông tư số 06/2011/TT – BGTVT ngày 07/03/2011 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 72/2011/TILT -BTC-BTVT ngày 27/5/2011 liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải	x	x
42	Cấp giấy phép xe tập lái	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
					kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe; - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 5/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ		
43	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	x	x
44	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
45	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe (trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe)	01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	x	x
46	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô	04 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	x	x
47	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	x	x
48	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
49	Cấp giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	x	x
50	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 138/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	x	x
51	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Theo quy định của Bộ Tài chính	Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
52	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 và Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT. 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
53	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	<p>- Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ (đối với chấp thuận thiết kế công trình thiết yếu)</p> <p>- Không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ (không tính thời gian kiểm tra hiện trường):</p> <p>công trình điện từ 35 kV trở xuống có tổng chiều dài nhỏ hơn 01 km xây dựng trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Trường hợp phải kiểm tra hiện trường: không quá 07 ngày làm việc (chấp thuận cùng thời điểm cấp phép thi công công trình thiết yếu).</p>	Sở Giao thông vận tải	Không	<p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.</p>	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
54	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị gia hạn	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ Giao thông vận tải. 	x	x
55	Cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác	Không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
56	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý	Không quá 04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. 	x	x
57	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ	Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
58	Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ	02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	x	x
59	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	04 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	x	x
60	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ; - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
II	Lĩnh vực đường thủy nội địa (38 thủ tục)						
61	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	06 giờ làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt. 	x	x
62	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính 	x	x
63	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
					- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.		
64	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x
65	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x
66	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
67	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x
68	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x
69	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x
70	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
71	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đề nghị của chủ cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu.	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x
72	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x
73	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ bến thủy nội địa	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x
74	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa	<p>- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p> <p>- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
75	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x
76	Thiết lập khu neo đậu	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x
77	Công bố hoạt động khu neo đậu	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x
78	Công bố đóng khu neo đậu	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị của chủ đầu tư khu neo đậu	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x
79	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	x	x
80	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
81	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	x	x
82	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Giao thông vận tải, Chi cục đường thủy nội địa khu vực có văn bản trả lời; - 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục đường thủy nội địa khu vực, Sở Giao thông vận tải có văn bản thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng gửi chủ đầu tư	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
83	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ	x	x
84	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	x	x
85	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải;	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	x	x
86	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: + Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ,	Sở Giao thông vận tải	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
		<p>nếu đủ điều kiện thì báo cáo Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa;</p> <p>- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài:</p> <p>Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố hoạt động cảng thủy nội địa.</p>					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
87	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa trường hợp không còn nhu cầu tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	- Công bố hoạt động cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn của chủ cảng, Sở Giao thông vận tải ban hành quyết định công bố	Sở Giao thông vận tải	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	x	x
88	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	- Công bố luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương: + 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo UBND tỉnh; + 05 ngày làm việc, kể	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
		từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, UBND tỉnh ban hành quyết định công bố mở luồng.					
89	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa chuyên dùng khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	+ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo UBND tỉnh; + 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và báo cáo của Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công bố đóng luồng theo phạm vi quản lý.	Sở Giao thông vận tải	Chi phí liên quan khi đóng luồng chuyên dùng do tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng chi trả, trừ trường hợp đóng luồng vì lý do bảo đảm quốc phòng, an ninh do cơ quan đề nghị đóng luồng chi trả.	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
90	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của tổ chức, cá nhân có luồng chuyên dùng.	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ.	x	x
91	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	<p>- Cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p> <p>- Cảng thủy nội địa không tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ.	x	x
92	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
93	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ.	x	x
94	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ.	x	x
95	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực đường thủy nội địa.		
96	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Không	- Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ;	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
	phương tiện thủy nội địa				- Nghị định số 128/2018/NĐ-CP ngày 24/9/2018 của Chính phủ.		
97	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn: 50.000đ/ giấy. - Chứng chỉ chuyên môn: 20.000đ/ giấy 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. 	x	x
98	Dự học, thi, kiểm tra để được cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Giao thông vận tải	Theo quy định của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
III	Lĩnh vực đăng kiểm (07 thủ tục)						
99	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ thiết kế	Sở Giao thông vận tải	+ Phí: 300.000đ + Lệ phí: 50.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận)	- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
					với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm định xe cơ giới.		
100	Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	04 giờ làm việc	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT, tổ 17, phường An Tường, TP Tuyên Quang		Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	x	
101	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ	01 ngày làm việc Cấp ngay sau khi kiểm tra đạt yêu cầu	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13/5/2014 của Bộ GTVT quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC, Thông tư số 38/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
102	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo	01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc nghiệm thu đạt yêu cầu.	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ GTVT quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.	x	
103	Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ	01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.		
104	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho phương tiện thủy nội địa	01 ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
		dưới 70 km sau khi kiểm tra tại hiện trường đạt yêu cầu hoặc 02 ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ 70 km trở lên hoặc kiểm tra phương tiện ở vùng biển, đảo sau khi kiểm tra tại hiện trường đạt yêu cầu			tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa; - Thông tư 237/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính - Thông tư 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính		
105	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng	Nếu kết quả đạt thì cấp Giấy chứng nhận theo quy định trong thời hạn 01 ngày làm việc khi kiểm tra tại Đơn vị kiểm tra hoặc trong thời hạn 03 ngày làm việc khi kiểm tra ngoài Đơn vị kiểm tra, kể từ ngày kết thúc kiểm tra.	Trung tâm Đăng kiểm phương tiện GTVT	Theo quy định của Bộ Tài chính	- Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng; - Thông tư số 238/2016/TT-BTC và Thông tư số 239/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.	x	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN (13 thủ tục)						
I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa (13 thủ tục)						
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	06 giờ làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x
2	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính	x	x
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.</p>	x	x
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.</p>	x	x
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa;</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.</p>	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính. 	x	x
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	70.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính. 	x	x
9	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Cơ quan quản lý giao thông cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính. 	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
10	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND huyện được UBND tỉnh phân cấp	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	x	x
11	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND huyện được UBND tỉnh phân cấp	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	x	x
12	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND huyện	Không	Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.	x	x
13	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND huyện	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (09 thủ tục)						
I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa (09 thủ tục)						
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	06 giờ làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x
2	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính	x	x
3	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	70.000 đồng	- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
4	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	70.000 đồng	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.</p>	x	x
5	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	70.000 đồng	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải;</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.</p>	x	x
6	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	70.000 đồng	<p>- Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải về đăng ký phương tiện thủy nội địa;</p> <p>- Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính.</p>	x	x

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua DV BCCI	Thực hiện tại Bộ phận Một cửa
7	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	70.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính. 	x	x
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	70.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính. 	x	x
9	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	06 giờ làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải; - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài Chính. 	x	x